TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2023/QĐST-DS	*Tp K, ngày 06 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP NT Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Viết H; chức vụ: Tổ trưởng tổ xử lý nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh K(Văn bản ủy quyền đề ngày 06/3/2023).

Địa chỉ: Số 01 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn G, sinh năm 1969 và bà Lương Thị T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Nghĩa Đông, xã Kroong, thành phố K, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Văn G và bà Lương Thị T trả cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Ksố tiền tính đến ngày 06/6/2023 tổng cộng là **53.637.939 đồng** *(Năm mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 38.894.870 đồng *(Ba mươi tám triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, tám trăm bảy mươi đồng)*, nợ lãi là 11.469.610 đồng *(Mười một triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm mười đồng)*, nợ lãi quá hạn là 3.273.459 đồng

(Ba triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng), trả sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Nếu đến thời hạn trên mà ông Phan Văn G và bà Lương Thị T không trả đúng hoặc trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Kthì ông Giảng, bà Tuyết đồng ý để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25/01/NHNT ngày 25/01/2016 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với: Diện tích đất 326,4m^2, thuộc thửa đất số 1692, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ thôn Trung Nghĩa Đông, xã Kroong, thành phố K, tỉnh K và tài sản gắn liền với đất (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 115812 do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 18/01/2016 mang tên ông Phan Văn G và bà Lương Thị T).

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Kcó quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày 07/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn G và bà Lương Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Kthì lãi suất mà ông Phan Văn G và bà Lương Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Ktheo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh K.

2.2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phan Văn G và bà Lương Thị T phải chịu **1.340.948 đồng** *(Một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam **1.298.000 đồng** *(Một triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001248 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ các Điều 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phan Văn G và bà Lương Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là **1.800.000 đồng** *(Một triệu, tám trăm nghìn đồng)*. Vì Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Kđã nộp tạm ứng nên ông Giảng và bà Tuyết phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Ksố tiền **1.800.000 đồng** *(Một triệu, tám trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trả sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh Kcó đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà ông Phan Văn G và bà Lương Thị T không thi hành đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp K;
- Chi cục THA DS Tp K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

RY THỊ MỸ HOÀNG